

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 23-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Châu.

Ông Nguyễn Thành Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, tên gọi khác: không; sinh năm 1998 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký HKTT: 122/1C, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 30/10/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú: 52/1H, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Người làm chứng: anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1993; nơi cư trú: B4/092B, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 30 phút, ngày 30/10/2017, tại ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng

Nai, Công an xã Q đã phát hiện và bắt giữ người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc H, sinh năm 1998, trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tang vật thu giữ gồm 01 túi nilon được hàn kín hai đầu chứa các tinh thể màu trắng, 06 túi nilon được hàn kín hai đầu chứa các thảo mộc, số tiền 800.000đ, 01 điện thoại di động Iphone 5 và 01 xe mô tô biển số 60B7-174.06, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thụ lý giải quyết theo quy định.

Ngay sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Phạm Ngọc H tại số 122/1C, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai phát hiện và thu giữ 06 túi nilon được hàn kín chứa các lá cỏ khô ở tủ nhôm phòng khách, 31 túi cỏ khô trong thùng sắt trên gác, Phạm Ngọc H khai nhận là cỏ mỹ và cần sa.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 30/10/2017, Nguyễn Quang T gọi điện thoại cho Phạm Ngọc H hỏi mua 500.000đ ma túy và 300.000đ cỏ Mỹ. Do không có sẵn ma túy đá để bán cho T nên Phạm Ngọc H đã tìm cách liên lạc với đối tượng tên M nhà ở khu vực xã G (bản thân H không biết rõ nhân thân lai lịch của tên M) thông qua M, H đã liên lạc với đối tượng tên T1 ở xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để mua 01 tép ma túy với giá 300.000đ. Sau khi có được 01 tép ma túy đá và 06 túi cỏ mỹ H cất dấu sẵn trong người trước đó rồi điều khiển xe mô tô 60B7 – 174.06 đi đến nhà của Nguyễn Quang T thỏa thuận bán 01 tép ma túy đá với giá 500.000đ, 06 túi cỏ Mỹ với giá 300.000đ, trong lúc Phạm Ngọc H và Nguyễn Quang T đang trao đổi mua bán thì bị Công an xã Q, huyện T phát hiện và bắt giữ quả tang cùng vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng viện dẫn.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Vũ Đ khai: anh và H có quen biết ngoài xã hội vì H chơi chung với em của anh. Trưa ngày 30/10/2011, anh đến chơi game ở quán nét tại ấp D, xã G, huyện T thì gặp H. H hỏi mượn xe chạy lên nhà bạn có công việc một lát sẽ trả lại nên anh đồng ý cho H mượn xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60B7-174.06 thuộc sở hữu của anh. Đợi đến chiều nhưng không thấy nên anh đi tìm H thì được bạn cho biết H đã bị bắt.

Quá trình điều tra, người làm chứng là anh Nguyễn Quang T: anh biết H khoảng được 03 tháng qua việc sử dụng chung ma túy. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/11/2017, anh gọi điện hỏi mua ma túy đá và cỏ mỹ, H nói không có bán ma túy đá, chỉ có bán cỏ mỹ nên anh cúp máy. Khoảng 05 phút sau, H gọi lại hỏi có mua ma túy đá không thì H lấy dùm cho, anh đồng ý. Khoảng 15 phút sau, H chạy xe đến nhà anh giao ma túy thì bị Công an bắt quả tang. Trước đó, anh còn mua của H khoảng 4 đến 5 lần cỏ mỹ, không có mua ma túy nào khác.

Về vật chứng của vụ án: tại Kết luận giám định số 436/PC54 – GĐMT ngày 07/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

+ Mẫu tinh thể màu trắng (M63) đã được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng 0,1929 gam, loại Methamphetamine;

+ Các mẫu thảo mộc khô (M1, M3, M4, M5, M61) được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 47,5211 gam, có AB – FUBINACA;

+ Các mẫu cành, lá, hoa thảo mộc khô (M2, M62) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 6,8556 gam, loại cần sa.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, H khai là tài sản của H sử dụng vào việc mua bán ma túy.

- Số tiền 800.000đ, H khai là tiền bán ma túy cho T mà có.

- Xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60B7-174.06 là tài sản của anh Nguyễn Vũ Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao trả lại anh Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên và việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý vật chứng giao trả lại xe mô tô nêu trên.

Tại Cáo trạng số 94/CT.VKS-HS ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ Luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về vật chứng của vụ án và án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Về việc truy tố của Viện kiểm sát: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xác định việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: bị cáo rất hối hận về hành vi đã thực hiện, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với lời khai tại quá trình điều tra, phù hợp với hành vi bị truy tố tại Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

người làm chứng, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/10/2017, tại ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bị cáo H bán cho Nguyễn Quang T 01 tép ma túy đá chứa chất Methamphetamine có trọng lượng 0,1929 gam, 01 gói cành, lá, hoa cần sa có trọng lượng 0,5130gam và 05 gói thảo mộc khô chứa chất AB-FUBINACA có trọng lượng 8,1114gam với giá 800.000đ thì bị phát hiện bắt giữ. Ngoài ra, khám xét tại nhà bị cáo, Cơ quan điều tra còn thu giữ gói cành, lá, hoa thảo mộc khô theo Kết luận giám định là cần sa có khối lượng 6,3426gam và các gói thảo mộc khô theo Kết luận giám định có chứa chất AB-FUBINACA có trọng lượng 39,4097gam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai còn bán cỏ mỹ cho T khoảng 4 đến 5 lần, phù hợp với lời khai của T tại Cơ quan điều tra.

[3] Với trọng lượng chất Methamphetamine và cần sa bị cáo đã bán cho T nêu trên, đủ căn cứ kết luận hành vi này của bị cáo H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đối với khối lượng cần sa mà bị cáo tàng trữ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát không truy tố Hoan về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phù hợp. Các gói thảo mộc có chứa thành phần AB-FIBINACA không phải là chất theo danh mục cấm, do vậy việc H đã bán cho T nhiều lần nhưng không thể xử lý về mặt hình sự đối với bị cáo về hành vi này. Như vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Đây là chất gây nghiện, làm ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của người nghiện, là nguyên nhân làm phát các tội phạm khác cũng như các căn bệnh hiểm nghèo nên nhà nước nghiêm cấm. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức hình phạt tương xứng nhằm để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhận thấy: bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6] Về hình phạt bổ sung, tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: 0,1191gam Methamphetamine, 3,4734gam cần sa và 37,0373gam AB-FUBINACA còn lại sau giám định không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; một điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 800.000đ là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60B7-174.06 là tài sản của anh Nguyễn Vũ Đ, không biết bị cáo mượn để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao trả lại anh Đ là phù hợp.

[8] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo H và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Quang T, Công an huyện T đã ban hành Quyết định sử phạt hành chính là phù hợp. Đối với đối tượng tên T1 (chưa rõ họ, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cũng đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xác minh xử lý. Đối với đối tượng tên M có hành vi liên hệ với tên T1 để mua ma túy cho H, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định.

[10] Về án phí, bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Phạm Ngọc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm Ngọc H 02 (hai) năm (06) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2017.

- Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 0,1191gam Methamphetamine, 3,4734gam cần sa và 37,0373gam AB-FUBINACA còn lại sau giám định được niêm phong số 436/PC54-GĐMT ngày 07/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu đen và số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0002307 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Buộc Phạm Ngọc H chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện T;
- Thi hành án DS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hưng